

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 164

BÁT THỨC QUY CỬ
BỔ CHÚ

SỐ 1865
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1865

BÁT THỨC QUY CỬ BỔ CHÚ

Bổ chú: Pháp sư Phổ Thái, ở đời Minh.

QUYỂN THƯỢNG

Tánh cảnh, hiện lượng, chung ba tánh: Đây là nói năm thức trước, đối với ba cảnh chỉ duyên tánh cảnh. Ba lượng chỉ là hiện lượng, chỉ ba tánh đều có. Vì cảnh thì có ba tánh cảnh, tánh thật, tức căn, trần thật, tám pháp chủ thể, đối tượng mà thành, là có cảnh tướng - phần của thật thể. Nghĩa là cảnh này tự có hạt giống thật sinh, có thể dụng thật. Pháp thật hiện tại, tức Duy thức, là đối tượng duyên. Nếu vì nhân duyên biến trong hai thứ biến của năm thức trước, nên chỉ duyên cảnh tự tướng ly ngôn, nên cảnh độc ảnh là giả, chính là ba lượng của biến duyên phân biệt, chỉ có hiện lượng như thế.

Chỉ khi hiện lượng duyên cảnh, vì chứng minh các cảnh, nên chỉ duyên tánh cảnh. Thức này đối với ba tánh: thiện, ác, vô ký đều cùng có, vì tánh của năm thức chẳng phải thường nhất.

Giải thích: Sẽ thấy văn dưới đây:

Lượng có ba: Nghĩa là hiện, tỷ, phi (Tỷ, phi sẽ chú thích ở dưới). Hiện, nghĩa là hiện số. Nhận lấy cảnh, là nói gần. Lượng, nghĩa là so lường, nghĩa là san định. Nếu khi tâm, tâm sở duyên cảnh, lia chướng, v.v... nhân ảnh, hiểu rất rõ ràng. Được tự tánh của cảnh, gọi là hiện lượng. Nếu hiện thuộc cảnh, lượng thuộc về tâm, hoặc đều thuộc về tâm, hoặc hiện thuộc về căn, lượng thuộc về tâm - ba cách giải thích y sĩ, trì nghiệp, y chủ.

Nói thể: Tức dùng trí vô phân biệt, hiểu biết cho đúng về tâm, tâm sở, gọi là thể. Nghĩa là khi hiện lượng duyên cảnh là lia chủng loại

đanh ngôn và phân biệt tà vọng, gọi trí vô phân biệt này là thể của hiện lượng. Luận Lý Môn nói có bốn thứ:

1. Năm thức trước.
2. Ý thức đồng thời.
3. Tự chứng phần của tâm, tâm sở.
4. Tất cả tâm định.

Bốn thứ này đều là cảnh chứng thật mà vô phân biệt.

Ba thứ mắt, tai, thân, hai địa cư, đây là nói địa giới của năm thức.

Nghĩa là cõi Dục (ba thứ ăn uống, ngủ, dâm dục)

Ngũ thú tạp cư địa, ly sinh hỷ lạc địa của sơ thiên cõi Sắc. Vì ba thiên trên đã không có tầm từ, thức không khởi vì pháp địa không có tầm từ nhiễm.

Câu này, tụng ảnh lược hai thức mũi và lưỡi một giới, một địa. Chỉ có ngũ thú tạp cư địa nơi cõi Dục, vì trong thiên thiên không có đoạn thức. Đoạn thức dùng ba pháp: hương, vị, xúc làm thể. Đoạn thức đã không có, tất nhiên hai thức này sẽ không sinh. Không có cách ăn này, chính là đối tượng nhàm chán của thiên thiên.

“Biến hành, biệt cảnh, mười một thiện

Trung hai, đại tám, tham, giận, si”.

Đây là nói tâm sở của năm thức, vì tâm sở kia thường nương tựa tâm mà khởi, tương ứng với tâm, hệ thuộc ở tâm. Vì có ba nghĩa này, như vật dụng thuộc về ta, nên nói là ngã sở tương ứng với Duy thức.

Năm thức trước đối với tâm sở của sáu vị, chỉ thiếu bất định.

Nói một biến hành có năm, gọi là tác ý, lấy tâm hay cảnh giác làm tánh. Đối với cảnh, đối tượng duyên, dẫn sinh ra tâm làm nghiệp. Một pháp này có hai công đức:

1. Khi tâm chưa khởi, giạt tỉnh khiến tâm khởi.
2. Nếu tâm đã khởi rồi, dẫn dắt khiến thú hưởng cảnh.

Xúc: Nghĩa là khiến tâm, tâm sở xúc chạm với cảnh làm tánh, đối tượng nương tựa của thọ, tưởng, tư, v.v... làm nghiệp.

Thọ: Nghĩa là nhận lãnh cảnh tương trái, thuận đều không phải làm tánh, khởi dục làm nghiệp. Lại nói: khiến tâm, v.v... khởi tương xả bỏ hân hoan, buồn bã.

Tưởng: Hay an lập phần giới hạn của cảnh mình, nghĩa là đối với cảnh, nhận lấy tượng làm tánh, lập ra các thứ danh ngôn làm nghiệp, nghĩa là phải an lập tướng giới hạn của cảnh, mới có công năng thuận khởi các thứ danh ngôn.

Tư: Khiến tâm tạo tác làm tánh, sai khiến tâm đối với phẩm thiện,

v.v... làm nghiệp, nghĩa là nhận lấy tướng chánh nhân, v.v... của cảnh, sai khiến tâm mình tạo nên việc lành, v.v...

Gọi biến hành là khắp tất cả bốn tâm được hiện hành. Nghĩa là khắp tất cả thời gian của ba tánh, tám thức, chín địa, nên đặt ra tên gọi này.

Biệt cảnh cũng có năm, nghĩa là dục, thắng giải, niệm, định, tuệ. Dục: Đối với cảnh ưa thích lấy sự hy vọng làm tánh, siêng năng nường tựa làm nghiệp. Cảnh đáng được ưa thích có ba: Cảnh đáng ưa thích, và cảnh được mong cầu, cảnh quán sát đối tượng ham muốn.

Thứ kế, là hiểu biết đúng, thắng giải thì đối với cảnh quyết định, đánh dấu, gìn giữ làm tánh, không thể dẫn phát, chuyển vận làm nghiệp, niệm đối với cảnh từng tu, sao cho tâm mình được ghi nhận sáng suốt làm tánh, quyết định nường tựa làm nghiệp, quyết định đối với cảnh, đối tượng quán, khiến tâm chuyên chú, không tán loạn làm tánh, trí y chỉ làm nghiệp. Tuệ đối với cảnh đối tượng quán, phân biệt, lựa chọn. Đoạn nghi này làm nghiệp. Vì duyên theo từng cảnh một mà được sinh, nên gọi là biệt cảnh.

Mười một món thiện, tụng rằng:

*“Thiện là tín, tâm, quý
Vô tham ba căn thấy
Cần, an, không buông lung
Hành xả và bất hại”.*

Chỉ có tâm thiện đều có, gọi là tâm thiện.

Nói Tín: Đối với thật đức tâm nhẫn chịu sâu xa, ưa muốn thanh tịnh làm tánh, đối trị với bất tín ưa việc lành làm nghiệp. Tuy nhiên có ba thứ:

1. Tín có thật đối với sự, lý thật của các pháp, là tín, nhẫn sâu xa.
2. Tín có đức, đối với đức chân tịnh của Tam bảo, là tin, ưa sâu xa.
3. Tín có khả năng đối với tất cả việc lành của thế gian, xuất thế gian, tin sâu có năng lực, có khả năng được, khả năng thành, vì khởi hy vọng, đối trị với tâm bất tín, yêu thích tu chứng việc lành của thế gian, xuất thế gian. Nhẫn gọi là thắng giải, là nhân của niềm tin, ưa thích, nghĩa là dục, tức là hiệu quả của đức tin. Tánh này lóng trong, tâm v.v... thanh tịnh, như đặt viên ngọc lóng nước, có công năng làm trong nước đục.

Tâm: Dựa vào năng lực của pháp mình, tôn sùng, kính trọng các bậc Hiền Thánh làm tánh, đối trị với vô tâm, dứt các hành vi ác làm

nghiệp. Tự, tức là thân mình. Pháp, nghĩa là giáo pháp. Nói tu thân như thế, hiểu pháp như thế, không dám làm các việc ác.

Quý: Dựa vào công sức của thế gian, khinh thường, chống đối sự bạo ác làm tánh, đối trị với vô quý, chấm dứt hành vi ác làm nghiệp, nghĩa là sự chệch bại, quả trách của người đời, gọi công sức của thế gian.

Khinh thường, chống đối kẻ bạo ác: Khinh thường kẻ có hành vi ác, không gần gũi, chống đối nghiệp của pháp ác không làm.

Vô tham là: Đối với cái có, có đủ, không chấp mắc làm tánh, đối trị với tham, chấp mắc làm việc lành, làm nghiệp.

Vô sân: Đối với khổ, khổ cụ đều không giận dữ làm tánh, đối trị với sự giận dữ, tạo ra việc lành làm nghiệp.

Vô si: Đối với các sự, lý, lấy sự hiểu biết sáng suốt làm tánh, đối trị với ngu si tạo ra việc lành làm nghiệp.

Cần: Nghĩa là tinh tấn đối với phẩm thiện, ác, mạnh mẽ trong việc tu đoạn làm tánh, đối trị với tánh lười biếng, hoàn mãn việc lành làm nghiệp.

Khinh an: Xa lìa thô nặng, điều hòa, vui thích thân, tâm, có thể gánh vác làm tánh, đối trị với chuyển y hôn trầm làm nghiệp. Lại nói: Lìa nặng, gọi là nhẹ, điều hòa, vui thích, gọi là an, có đối tượng chịu được, có thể có đối tượng gánh vác, thọ lãnh, khiến cho thân, tâm là đối tượng nương tựa, bỏ đi thô nặng được yên ổn.

Không buông lung: Ba căn tinh tấn, đối với sở tu đoạn ngăn ngừa tu làm tánh, đối trị với buông lung, thành mãn tất cả việc lành thế gian, xuất thế gian làm nghiệp, vì không buông lung này tức ba căn tinh tấn trên, ngăn ngừa công năng tu, lìa bốn pháp trên, thì không có tự thể riêng.

Hành xả: Ba căn tinh tấn, làm cho tâm bình đẳng, ngay thẳng, không có công dụng trụ làm tánh, đối trị với trạo cử, trụ vắng lặng làm nghiệp. Xả trong hành uẩn này, vì phân biệt chẳng phải xả trong thọ uẩn, nên có tên này. Nghĩa khiến cho nghĩa tâm bình đẳng, do xả khiến cho tâm lìa hôn trầm, trạo cử. Tâm đầu tiên bình đẳng, kế là ngay thẳng về sau, không có công dụng. Một pháp này cũng tức bốn pháp. Do công năng khiến tĩnh lặng, tức là bốn pháp. Đối tượng khiến vắng lặng tức là nghĩa đẳng của tâm bình đẳng.

Bất hại: Đối với các hữu tình không làm tổn nã, không nổi giận làm tánh, có thể đối trị với hại, lấy sự thương xót làm nghiệp (tám pháp trước là thật, ba pháp sau là giả).

Nói trung hai, đại tám, tham, giận, si: Tâm nhiễm này chung cho hai mươi sáu thứ. Năm thức trước, chỉ đủ mười ba hoặc căn bản. Ba tùy hoặc trong sáu, mười tùy hoặc trong hai mươi, gồm có hai mươi phần.

Ba thứ nhỏ, vừa, lớn: Mười pháp trước, phần v.v là tiểu tùy, không tương ứng với năm thức, chỉ hai trung tùy và tám đại tùy, là thuộc về năm pháp trước, gọi là tùy phiền não, là tùy thuộc phần vị phiền não căn bản kia, vì tánh đẳng lưu khác nhau. Do tự loại đều khởi hai tánh nhiễm khắp, khắp các tâm nhiễm. Ba nghĩa này đều đủ gọi là đại, đủ một gọi là trung, đều không có, gọi là tiểu.

Nói hai tánh: Là hữu phú bất thiện (Du-già quyển ba nói bốn tánh: thiện, bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký, cõi Dục đủ bốn, cõi Sắc, Vô Sắc chỉ có ba, vì trừ tánh bất thiện).

Mười pháp như phần, v.v... vì gọi là khởi riêng, nên thiếu tự loại đều có khởi, chỉ là bất thiện, thiếu hai tánh nhiễm khắp. Đã thiếu hữu phú, vì không khắp tất cả tâm nhiễm, nên thuộc về tiểu tùy.

Mười pháp này vì tương ứng với ý thức thứ sáu, nên ở đây không giải thích vô tâm, vô quý, là tự loại đều khởi đủ một, gọi là Trung.

Vô tâm: Không chiếu cố pháp mình, xem thường, chống đối bậc Hiền thiện làm tánh, làm chướng ngại tâm, thêm lớn hành vi ác làm nghiệp.

Vô quý: Không nghĩ đến việc tôn sùng, kính trọng của thế gian, lấy bạn ác làm tánh, làm chướng ngại cho quý, thêm lớn hành vi gian ác làm nghiệp.

Trạo cử, khiến cho tâm đối với cảnh không vắng lặng làm tánh, làm chướng ngại cho hành xả xa-ma-tha làm nghiệp.

Hôn trầm thì tâm đối với cảnh không có khả năng gánh vác làm tánh, làm chướng ngại cho khinh an, tỳ-bát-xá-na làm nghiệp.

Bất tín, thì đối với thật, đức có thể không chịu nhận, tâm ưa muốn ô uế làm tánh, làm chướng ngại tâm tịnh, rơi vào sự nương tựa làm nghiệp.

Lười biếng, đối với phẩm thiện ác, lười biếng trong việc tu đoạn, làm chướng ngại tinh tấn, ô nhiễm làm nghiệp.

Buông lung thì đối với phẩm nhiễm, tịnh không thể ngăn ngừa tu, lấy hời hợt làm tánh, làm chướng ngại không buông lung, thêm ác, hao hụt thiện, lấy đối tượng nương tựa làm nghiệp.

Thất niệm, thì đối với các đối tượng duyên không thể ghi nhớ sáng suốt làm tánh, làm chướng ngại chánh niệm, đối tượng nương tựa của tán loạn làm nghiệp. Vì thất niệm, nghĩa là tâm tán loạn nên thất

niệm: Có thuyết nói: Niệm thuộc về một phần vì niệm tương ứng với phiền não.

Nghĩa là: Thất niệm thuộc về một phần si, Du-già chép: “Vì đây là phần si, nên si làm cho thất niệm”.

Nghĩa là: Đều có thuộc về một phần, vì sự ảnh hưởng của hai văn trước nói.

Tán loạn thì đối với các đối tượng duyên, khiến tâm buông lung làm tánh, làm chướng ngại chánh định, đối tượng nương tựa của tuệ làm nghiệp.

Gọi là tán loạn vì phát ra tuệ ác.

Bát chánh tri: Đối với cảnh, đối tượng quán, hiểu sai lầm làm tánh, làm chướng ngại chánh tri, hủy phạm làm nghiệp.

Tham, sân, si: Tức ba trong sáu phiền não căn bản.

Tham thì đối với có, có đủ chấp mắc làm tánh, làm chướng ngại vô tham, sinh ra khổ làm nghiệp.

Sân thì đối với nỗi khổ, khổ cụ, sinh giận dữ làm tánh, làm chướng ngại vô sân, đối tượng nương tựa của hành vi ác không yên ổn làm nghiệp.

Si, thì đối với các sự, lý, mê tối làm tánh, làm chướng ngại vô si, đối tượng nương tựa của tất cả tạp nhiễm làm nghiệp. Ba pháp còn lại chú ý sẽ thấy.

Thức thứ sáu sở dĩ làm căn bản là vì thức ấy sinh ra tùy niệm, chẳng phải đều có thừa, vì trái lẫn nhau.

“Năm thức đồng nương tịnh sắc căn”.

Đây là nói năm thức được gọi là sắc tịnh, nghĩa là chỉ cho thắng nghĩa mà nói, thể chẳng phải pháp nhiễm, chỉ vì tánh vô ký trong sạch. Năm thức tùy thuộc vào căn mà đặt tên, gồm đủ năm nghĩa là: Y, phát, thuộc, trợ, như tụng nói:

Y là một trong năm nghĩa.

Nếu tạo ra cách giải thích. Nghĩa là thức y căn, hỗ trợ căn, như căn, v.v... đều là y chủ thích. Thức của căn phát là y sĩ thích, hoặc nói: Thức do căn phát, lại làm một so sánh.

Chín duyên bảy, tám ưa gần nhau: Đây tức là nghĩa chín duyên sinh thức. Chín duyên là: Không, ánh sáng, căn, cảnh, tác ý, phân biệt y, nhiễm tịnh y, căn bản y, và hạt giống.

Không, là căn, cảnh cách nhau, không của lỗ trống.

Ánh sáng là ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, ánh sáng của đèn.

Căn: Là căn sở y (đối tượng nương tựa) của tám thức.

Cảnh: Nghĩa là cảnh sở duyên (đối tượng duyên) của tám thức.

Tác ý: là tác ý trong năm biến hành, phân biệt y là thức thứ sáu (Năm thức trước, lấy thức thứ sáu làm phân biệt y). Sau thức lấy năm thức trước làm môn minh liễu.

Nhiễm tịnh y là thức thứ bảy (Tăng-già chép: Các thức có hai thức sinh trụ, diệt, nghĩa là lưu chú sinh, trụ, diệt và tương sinh trụ diệt. Tiếng Phạm là Nễ già, Hán dịch là lưu chú. Không đoạn chỉ gọi chủng, hiện vi ẩn ba tướng của thức thứ tám không đoạn, nên gọi là lưu chú. Do vô minh duyên nghiệp thức khởi đầu tiên nên nói là sinh, vì nối tiếp nhau nhiều kiếp lâu dài, nên gọi là Trụ. Đến Đẳng giác định Kim cương, một niệm đoạn vô minh gốc, gọi là lưu chú.

Sinh, trụ, diệt của tướng diệt: Tâm, cảnh của bảy thức còn lại, là thô, rõ ràng, nên gọi là Tướng sinh. Bảy duyên tám, đối với sáu là tế, vì có đủ bốn hoặc, nên cũng gọi là thô. Dù hiện thức kia tự gieo trồng các cảnh duyên sinh ra bảy thức làm tướng sinh, huân tập nhiều kiếp gọi là tướng Trụ. Từ chưa hưởng vốn chế phục dần, là đoạn đến Thất địa mãn, gọi là tướng diệt. Dựa vào sinh diệt trước, lập mê, ngộ y. Dựa vào cảnh sinh diệt, lập nhiễm tịnh y. Sự việc trước dài, sau ngắn, được chia thành hai, lập riêng nhiễm, tịnh, là ở đây.

Căn bản y: Tức duyên hạt giống của thức thứ tám. Nghĩa là hạt giống sinh gần. Duyên với hạt giống trong chín duyên, tức nhân duyên gần trong bốn duyên. Duyên chín cảnh tức bốn duyên sở duyên. Chín, bảy còn lại, là duyên tăng thượng, duyên Đẳng vô gián, chính là vương, sở của tám thức. Trước sau sinh diệt, tự loại vô gián, sức dụng của chủ thể dẫn, đối tượng dẫn đều ngang nhau.

Bài tụng này dù ẩn lược, nhưng vì Duy Thức gồm chung, nên có bài tụng rằng:

Nhãn thức chín duyên sinh

Nhĩ thức chỉ có tám (trừ duyên ánh sáng)

Tỷ, thiệt, thân có bảy (trừ hai duyên: không, ánh sáng)

Ba sau (chỉ ba thức: sáu, bảy, tám) năm, ba, bốn (chỉ duyên mà nói).

Nếu thêm Đẳng vô gián thì từ đầu thêm một.

Nói năm, ba, bốn là Năm duyên của thức thứ sáu. Sinh, nghĩa là duyên căn, tức ý duyên cảnh, tức duyên tác ý mười tám giới, là tương ưng với một trong năm biến hành. Duyên căn bản, tức duyên hạt giống Lại da, là hạt giống sinh gần của thức thứ sáu.

Ba duyên của bảy thức: Duyên hạt giống tức duyên tác ý hạt giống

sinh gần của thức thứ bảy.

Thấy giải thích văn từ trên, duyên căn, duyên cảnh, đều cùng có thức thứ tám, nên nói là y kia chuyển duyên kia.

Bốn duyên sinh thức thứ tám. Nghĩa là duyên căn, tức duyên cảnh của mặt-na, tức duyên tác ý hạt giống căn thân khí giới, tức một trong năm tâm sở.

Duyên hạt giống là hạt giống sinh gần của thức thứ tám.

Duyên Đẳng vô gián: Là niệm trước của các thức đã diệt, tức mở mang nơi chốn dẫn phát ra niệm sau, khiến sinh, trung gian không có cách ngăn. Tám thức nếu thêm duyên này, thì nhãn có mười, cho đến thức thứ tám có đủ năm.

Vì sao các thức phải nhờ duyên mới sinh?

Vì pháp hữu vi dựa vào nhân, nhờ vào duyên, thiếu thì chúng không sinh, nên duyên nhiều mà đoạn ít, mà thường hằng.

Bài tụng này lược bớt ba duyên sau, nên ba không nói là duyên đủ.

“Hợp ba lia hai quán thế gian”.

Đây là nói hai thức nhãn, nhĩ lia chính giữa, nhận lấy cảnh. Ba căn mũi, lưỡi, thân hợp với chính giữa nhận lấy cảnh. Quán mắt, chủ thể duyên kiến phần, tức là nhãn, v.v...

Năm thức và các tâm sở, thế gian, tức tướng phần đối tượng duyên là năm trần như sắc, v.v... Hoặc nói là hai thức nhãn, nhĩ đã lia chính giữa để nhận lấy cảnh, thì cảnh sẽ ở ngoài tâm, làm sao gọi là Duy thức, huống chi Tiểu thừa đều nói: Ngoài tâm thật có các pháp.

Nếu như vậy thì không riêng gì trái với tông Duy thức, lại há không phù hợp với tông ngoài của Tiểu thừa kia chăng? Nhưng bài tụng chép: Lia, nghĩa là chỉ cho căn cảnh mà nói, do tự chứng phần của thức thứ tám biến mà thành hai phần kiến, tướng. Kiến là các tâm, tâm sở pháp, tướng là pháp của thân căn, khí thế giới.

Đây là nói hai thức nhãn, nhĩ nhận lấy cảnh lia ngoài căn, thì đâu từng lia thể tự chứng ở chủ thể biến chăng?

Nếu vì biết xứ, chẳng biết xứ khác nhau, làm hư hoại căn, không hư hoại căn khác nhau, thì lia cảnh, căn hợp với căn, có thể thấy nên nói rằng: Dùng căn soi rọi cảnh, nói là ly, hợp, dùng tâm duyên cảnh, nói Duy thức. Lia nhận lấy, vì dụng vượt hơn nên lập chung.

“Người ngu khó phân thức và căn”.

Đây là nói Tiểu thừa ngu pháp Thanh văn, không biết thức và căn đều có hạt giống, hiện hạnh, rồi cho là căn, thức sinh lẫn nhau.

Chủng hiện của căn, chỉ có thể dẫn đạo chủng, hiện của thức, rằng căn làm duyên sinh thức, thì có thể gọi là sinh, thức thì không thể vì thức tự có hạt giống năng sinh, nên thức kia chưa trừ chướng sở tri, nên đối với pháp không thấu suốt, vì trí cạn, tâm thô, do đó, không tin giáo Duy thức của Đại thừa.

Lời chú thích này nói: Chủng hiện của căn, thức đều khác nhau, e rằng sơ học vẫn còn hoài nghi, thử nghiệm lại nói. Vì căn chính là sắc pháp, tức tướng phần của thức thứ tám, thức là tâm pháp, tức kiến phần của thức thứ tám; sắc, tâm này khác nhau, vì căn dù thuộc sắc, nhưng tâm kia là tướng phần gần của thức thứ tám.

Riêng hai nghĩa chấp thọ đủ tám, chấp lại có hai nghĩa gồm thâu, giữ lấy, do thức thứ tám gồm thâu làm tự thể (đồng là vô ký) gìn giữ không để phân tán. Thọ cũng có hai nghĩa: nhận lãnh và giác biết. Nhận lãnh dùng làm cảnh, khiến sinh giác thọ, chẳng phải vật thể vô tình của sáu trần bên ngoài mà so sánh được, nên thức thứ tám và năm căn đồng là tánh vô ký. Năm thức, tâm, pháp, ba tánh đều đủ, tánh của căn, thức này khác nhau. Lại, căn soi rọi cảnh, thức, chủ thể duyên cảnh, công dụng của căn, thức này khác nhau.

Đại để căn không có phân biệt năm thức trước, dù có tùy thuộc niệm phân biệt, nhưng vì không có tính toán, so đo phân biệt, nên thường lẫn lộn mà khó phân biệt, nên Phật vì kẻ ngu tâm, khai tâm nói uẩn, người ngu sắc, khai sắc nói xứ, kẻ ngu cả hai, thì cùng triển khai nói giới. Bắt đầu Hoa Nghiêm đến Lăng-nghiêm, Phật đã giảng nói ba khoa này không biết bao nhiêu lỗi mà A-nan vẫn còn dùng tâm biết, mắt thấy mà nói, nên Phật dùng môn hay thấy chẳng?

Gạn hỏi, ý nói là tâm do căn mà thấy, cũng như con người dùng đèn để thấy vật.

Do đó mà nói thì khó phân căn, thức để biết.

“Biến tướng quán không chỉ hậu đắc”.

Năm thức trước này rõ tục, thấy không. Biến, nghĩa là biến kèm. Tướng nghĩa là tướng phần. Quán gọi là chủ thể duyên kiến phần, không gọi là chân như, đối tượng duyên. Duy hậu đắc là phân biệt chẳng phải trí căn bản, vì chỉ dựa vào sắc căn, nên trí hậu đắc không duyên gần chân như, nghĩa là vì có trí phân biệt, nên không thể duyên gần, lý vô phân biệt, vì so tính, suy lường mà khởi, nên không này tức là thật tánh duy thức.

Trong quả cũng tự không giải thích chân. Nghĩa là năm thức vô lậu ở trong quả vị Phật còn không thể duyên gần chân như, vì trí căn

bản của Phật dựa vào tâm, căn, nên duyên gần chân như. Trí Hậu đắc đã dựa vào sắc, căn, vì có phân biệt, cho nên không thể thân duyên chân như.

Gọi là hậu đắc: Căn bản mà năm thức trước sinh sau. Đã không có căn bản thì đâu có hậu đắc. Vì giống với căn bản kia, đồng với sự thấu đạt.

Câu tụng này nhằm đả phá lối chấp của các sư khác, vì năm thức trước trong tông của An Tuệ, nhân ở giữa đã thành tướng biến vô lậu duyên như, do hai phần kiến, tướng là tánh biến kế, tự chứng phần là tánh y tha khởi, đến quả vị Phật, tự chứng phần duyên gần chân như, vì không có tánh biến kế của tướng, kiến, cho nên việc hộ pháp dùng luận chứng này để phá.

“Viên minh sơ phát thành vô lậu

Ba loại phân thân dứt vòng khổ”.

Đây là nói năm thức trước, nhân cùng tận được quả, tức là phẩm Tâm tương ứng, ức trí thành thành sở tác, hóa hiện ba thứ thân, dứt hết vòng khổ của chúng sinh, nghĩa là thức thứ tám trong quả vị Phật đã chuyển thành thức bạch tịnh vô lậu rồi, tâm sở tương ứng, thì thành trí đại viên cảnh, rõ ràng hiện tiền, nên nói rằng sơ phát thì năm thức trước, liền thành vô lậu, nên nói rằng thành vô lậu.

Phân thân ba loại: Tâm sở của năm thức, trở trí thành sở tác, hiện ba loại thân. Ba loại thân là hóa thân như thế trong ba thân: Pháp, báo, hóa. Căn cơ, đối tượng bao trùm của hóa thân này, hơn kém chẳng phải một, nên hóa thân, chủ thể bao trùm, lại có ba. Hóa thân vĩ đại một ngàn trượng bao trùm bốn gia hạnh Bồ-tát của Đại thừa. Hóa thân trượng sáu nhỏ, bao trùm ba Bồ-tát vị Tư lương của Đại thừa, tùy loại hóa độ cho Nhị thừa, phạm phu, ba thừa bao trùm khắp sáu cõi đều thấm nhuần.

Có chỗ nói: Năm thức trước trở thành phẩm tâm tương ứng với vô lậu, hiện thân lợi ích chúng sinh.

Vì sao trước kia đã nói thức thứ tám thành vô lậu? Vì viên minh mới phát, là viên cảnh trí như thế trong phẩm tâm tương ứng của thức thứ tám, bởi năm căn trước tức tướng phần do thức thứ tám biến hiện ra. Bản thức, chủ thể biến đã trở thành vô lậu, năm căn, đối tượng biến, trở thành vô lậu. Năm căn, chủ thể phát đã trở thành vô lậu thì năm thức, đối tượng phát cũng trở thành vô lậu.

Có chỗ nói: Đã nói chuyển tám thức thành bốn trí, vì sao lại nói tương ứng với phẩm Tâm?

Đáp: Duy Thức quyển mười chép: Bốn phẩm này gồm thân chung

tất cả công đức hữu vi của Phật địa.

Ở đây, chuyển phẩm tương ứng của tám, bảy, sáu, năm thức hữu lậu, như thứ lớp mà được trí, dù chẳng phải thức, nhưng vẫn dựa vào thức chuyển, vì thức là chủ, nên nói thức chuyển được. Lại, ở vị hữu lậu trí kém, thức mạnh.

Trong vị vô lậu, trí mạnh, thức yếu.

Vì khuyển hữu tình nương tựa trí, xả thức, nên nói: chuyển tám thức được bốn trí này. Dưới đây, hãy nói chuyển thức, thì căn cứ ở đây.

“Ba tánh, ba lượng, chung ba cảnh”.

Đây là nói thức thứ sáu, đối với ba tánh, ba lượng, ba cảnh đều có chung, vì chữ chung là xuyên suốt từ trên xuống dưới.

Nói ba tánh: Thiện, là nghĩa thuận ích, thuận với chánh lý, lợi ích đối với mình, người. Bất thiện nghĩa là trái, tổn hại, trái với chánh lý, tổn hại cho mình, người. Vô ký: là vô bất. Ký là ghi nhận riêng, vì đối với phẩm thiện, ác, không thể ghi nhận riêng, nên ở đây lấy nghĩa thuận trái, tổn, ích để giải thích ba tánh. Lại nói: Thuận ích hai đời, gọi là tánh thiện, trái, hại hai đời, gọi là tánh bất thiện. Đối với quả ái, phi ái, không thể ghi nhận riêng, gọi là tánh vô ký, nghĩa là tự thể và quả đều đáng, ưa thích, gọi là tánh thiện, bất thiện trái với trên. Không có ái, phi ái, không thể ghi nhận riêng, gọi là vô ký.

Ở đây lại y cứ vào lậu, vô lậu của ba đời để giải thích về ba tánh.

Nói ba lượng: Hiện lượng, giải thích về hiện lượng như văn trên. Nay, chỉ giải thích hai lượng: tỷ và phi.

Tỷ lượng: Suy lường cảnh không có sai lầm.

Phi lượng: Tình có, lý không, vì so sánh, suy lường không chấp mắc, vì thức thứ sáu có năm thứ:

1. Độc đầu trong định, ý thức duyên cảnh định. Cảnh định có lý, sự. Sự lại có cực lược, cực hoánh sắc và các sắc, pháp xứ đã được sinh ra do định tự tại.

2. Độc đầu của vị tán, duyên sắc do thọ đã dẫn và sắc xứ các pháp do biến kế sở chấp sinh ra, như duyên hoa đốm giữa hư không, gương soi, tượng vẽ năm màu sắc, Sở sinh đều thuộc về pháp xứ.

3. Độc đầu trong mộng, duyên cảnh trong mộng.

4. Ý thức thấu đạt sáng suốt, đồng với năm thức trước, duyên với năm trần.

5. Ý thức tán loạn, tức ý thức tán loạn. Trong năm căn, điên loạn mà khởi, như bệnh nhiệt, bệnh thấy màu xanh thành màu vàng, chẳng

phải là nhãn thức, mà là ý này. Ý thức trong định chỉ có hiện lượng.

Hai lượng: Tỷ và phi của tán ý thức độc đầu. Hai thức đầu loạn trong mộng, đều chẳng phải lượng.

Ý thức phân biệt sáng suốt, chung cho ba lượng. Hiện lượng nhiều, tỷ và phi ít. (Hiện lượng thấy ở văn trên). Ở đây chánh giải thích hai lượng tỷ và phi. Trước, giải thích danh. Ý thức độc tán, so lường cảnh không có sai lầm, nên gọi là tỷ lượng. So sánh, suy lường không chấp mắc, gọi là phi lượng. Gọi lượng, tức là tâm thể của chủ thể duyên. Nếu tâm, tâm sở duyên cảnh làm nhân, so sánh, suy lường sinh, gọi chung là tỷ lượng. Nếu tỷ thuộc về cảnh, lượng thuộc về tâm, lượng của đối tượng, y sĩ thích. Nếu cùng thuộc về tâm, thì chủ thể tỷ tức là lượng, trì nghiệp thích.

Phi lượng: Chẳng phải không, là tên khác của tà sai lầm. Nếu khi tâm, tâm sở duyên cảnh, cảnh không xứng, biết mà lầm tà sinh, hiểu biết, gọi là phi lượng, chẳng phải tức lượng, thuộc về trì nghiệp thích.

Tiếp theo, là giải thích thể, tỷ lượng tức có trí phân biệt, chánh giải thích tâm, tâm sở làm thể.

Phi lượng: Tức do hiểu lầm vọng tà, tâm tâm sở làm thể.

Nói ba cảnh: Tánh cảnh (đã giải thích ở trên). Nay, nhân giải thích hai cảnh ảnh, và chất nên giải thích lại nghĩa.

Tánh cảnh: Tức căn, trần thật, do tám pháp hình thành và sắc của quả định thật, đều tự có hạt giống thật sinh, là năm thức trước và hiện lượng của thức thứ tám. Các cảnh sắc thật, đối tượng duyên của thức thứ sáu, không kèm theo danh ngôn, không có tâm so tính, suy lường, gọi là tánh cảnh và trí căn, bản duyên như, cũng là cảnh này. Vì không phân biệt chuyển biến tự nhiên.

Tánh cảnh này có hai: Tánh cảnh của loại thứ nhất: Tức trước đã nói, loại thứ hai đều không có nghĩa trước, chỉ y cứ từ bên nghĩa chất của tướng phần, nói là tánh cảnh.

Vì giả thuyết, nên gọi là loại thứ hai, cảnh đối chất cũng hai: Chân đối chất: Do tướng phần trung gian dùng tâm duyên tâm. Từ hai đầu sinh, liên đới sinh khởi, gọi là chân đối chất. Tợ đối chất: Tướng phần trung gian dùng tâm duyên sắc, chỉ từ một đầu kiến phần sinh khởi, biến đổi sinh khởi, gọi là tợ đối chất.

Độc ảnh cũng hai: Nói vô chất độc ảnh: Tức thức thứ sáu duyên với hoa đốm trong hư không, sừng thỏ và tướng phần đối tượng biến hóa, vị, v.v... tướng phần đó đồng hạt giống với thức thứ sáu sinh, không có tính chất hoa đốm giữa hư không.

Hữu chất độc ảnh: Tức thức thứ sáu duyên hạt giống, hiện của năm căn, đều dựa vào chất khởi, tướng phần của năm căn cũng đồng hạt giống với kiến phần sinh, cũng gọi độc ảnh cảnh, làm đối tượng duyên, thức làm chủ thể duyên, đều có tự thể của nó. (Thể của tánh cảnh, độc thấy trong văn chú thích ở trên).

Chủ thể duyên: Trừ thức mặt-na, bảy thức còn lại đều dùng tâm, tâm sở làm thể. Độc ảnh cảnh dùng tướng phần giả được biến ra bởi kiến phần của thức thứ sáu làm thể. Chủ thể duyên thức tự tâm, tâm sở làm thể.

Đối chất cảnh tức biến khởi tướng phần giả trung gian làm thể. Chủ thể duyên chỉ có tâm, tâm sở của hai thức: sáu, và bảy làm thể.

Đây là nói sáu chung cho ba cảnh. Khi ngũ câu ý thức không tác ý hiểu biết, được tự tướng của cảnh, đây là tánh cảnh, duyên tâm, tâm sở là đối chất cảnh. duyên pháp không có tự thể là cảnh độc ảnh.

Đây là nói theo vị hữu lậu, nếu là vị vô lậu thì tám thức đều duyên ba cảnh, vì do duyên chung thật, giả nên có bài tụng:

*“Tánh cảnh không tùy tâm
Độc ảnh chỉ từ kiến
Đối chất chung gốc tình
Chủng tánh thấy tùy ứng”.*

Có thuyết nói: Thức thứ sáu có năm thức, trừ ý thức tán loạn, ý thức trong mộng chỉ duyên độc ảnh, ba thức còn lại đều duyên ba cảnh, nghĩa là ý thức sáng rõ với năm thức trước duyên với năm trần thật, quán suốt trong tâm là tánh cảnh. Nếu về sau, niệm duyên sắc giả trên năm trần: vuông, tròn, dài, ngắn, v.v... thì có thật. Độc ảnh cũng gọi là tự đối chất. Độc đầu ý thức của vị tám cũng chung cho ba cảnh, đa số là độc ảnh, vì duyên chung với pháp có thật, không có thật của ba đời. Nếu khi duyên tâm, tâm sở hiện hạnh của tự thân, là cảnh đối chất. Nếu duyên năm căn của thân mình và duyên tâm, tâm sở của người thì đó là cảnh độc ảnh, cũng gọi tự đối chất. Lại, độc đầu ý thức, sát na đầu tiên duyên phần ít năm trần, duyên sắc thật cũng gọi là tánh cảnh, ý thức trong định cũng duyên chung ba cảnh, gọi là duyên chung pháp có thật, không có thật của ba đời, là cảnh độc ảnh. Lại, vì duyên theo tâm, tâm sở hiện hạnh của tự thân, nên là cảnh đối chất. Lại, vì định hữu lậu của Thất địa trở xuống, cũng có thể dẫn khởi năm thức duyên năm trần, v.v... tức là tánh cảnh.

“Khi trôi lăn ba cõi dễ biết”.

Ba cõi, thấy ở văn trên. Luân, nghĩa là luân chuyển, đây là nói

thức thứ sáu qua lại trong ba cõi, dễ biết, vì hành tướng của nó vượt hơn rõ rệt.

Thân động, ngữ phát riêng là hơn.

Tâm sở tương ứng có năm mươi mốt món. Trong tám thức này, chỉ có tâm sở của thức thứ sáu này là đều hoàn toàn, vì không trái nhau.

Biến hành, biệt cảnh, tâm sở thiện và căn hoặc ba, tùy hoặc trung, đại, tổng cộng mười, bốn bất định, cộng chung là mười bảy pháp.

Ở đây mới giải thích nghĩa:

Mạn: ý mình cao hơn đối với người khác làm tánh, làm chướng ngại không ngạo mạn, sinh khổ làm nghiệp. Vì kẻ có ngạo mạn đối với đức, người có đức, tâm không khiêm tốn. Do đây, sinh tử trôi lăn vô cùng, cam chịu các khổ não.

Nghi: Đối với các đế lý, do dự làm tánh, làm chướng ngại không nghi ngờ trong phẩm thiện làm nghiệp. Vì kẻ do dự, rụt rè, điều lành không sinh. Kẻ ác kiến, đối với các đế lý, với tuệ nhiệm, tìm tòi suy lường điên đảo làm tánh, làm chướng ngại kiến thiện, chiêu cảm khổ làm nghiệp, vì kẻ ác kiến phần nhiều cảm chịu khổ. Kiến này gồm có năm, gọi là thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ kiến.

Nói phẩm tiểu tùy: Nghĩa là y cứ đối với cảnh không lợi ích hiện tiền, nổi cơn phẫn nộ làm tánh, làm chướng ngại không phẫn nộ, tay cầm gậy làm nghiệp. Gậy, là chiếu gậy.

Ôm lòng giận dữ, thường phát ra hành vi bạo ác, vì nghiệp thân, biểu.

Nói hận: Do giận dữ làm trước, ôm lòng ác không bỏ, kết oán làm tánh, làm chướng ngại không giận hờn, nóng nảy làm nghiệp, vì kẻ kết hờn dỗi, không thể chịu đựng, vì thường nóng nảy bứt rứt, phẫn nộ, hờn dỗi đều có một phần giận.

Phú: Đối với tội mình đã gây ra, e mất lợi dưỡng, danh dự, nên thường che giấu làm tánh, làm chướng ngại không che giấu, ăn năn phiến não làm nghiệp. Nghĩa là kẻ che giấu tội lỗi về sau sẽ ăn năn, sâu não, không yên ổn, là hai phần: tham, si.

Não: Do phẫn hận làm trước theo đuổi, xúc chạm với việc bạo ác, ôm hận, hung dữ làm tánh, làm chướng ngại không não, giòi nhặng, nọc độc làm nghiệp, cũng là một phần giận.

Tật: Chết cho danh lợi của mình, không chịu nổi trước sự vinh quang của người, đố kỵ làm tánh, làm chướng ngại không ganh ghét, lo buồn làm nghiệp. Nghĩa là kẻ hay ganh tỵ, thấy người được vinh hiển ôm lòng lo buồn sâu não, không yên ổn, cũng là phần giận.

Nói san: Ham vui, chấp mắc pháp, tài vật không thể huệ thí, keo kiệt làm tánh, làm chướng ngại không keo kiệt, chứa chất sự bỉ ổi làm nghiệp. Nghĩa là kẻ keo kiệt, bủn xỉn, tâm thường thô bỉ, chứa chất tài, pháp, không thể xả thí, đây thuộc về phần tham.

Cuống: Vì được lợi dưỡng, danh dự, giả vờ biểu hiện có đức, quở quyết, dối trá làm tánh, làm chướng ngại không lừa dối tà mạng làm nghiệp. Nghĩa là kẻ nịnh hót, lừa dối, ôm lòng mưu mô khác lạ, thường biểu hiện sự tà mạng không thật, nên ở đây có phần tham, si.

Siểm: là vu khống người khác, nịnh bợ, đặt ra oai nghi lạ, tà vạy làm tánh, làm chướng ngại sự răn dạy không đua nịnh làm nghiệp. Nghĩa là kẻ tà vạy, nịnh bợ vì vu khống, mạo nhận luồn cúi, ngả theo người khác, nên giả vờ lập ra cách thức để vừa ý người khác. Hoặc che giấu lỗi lầm của mình bất chấp lời răn dạy thích đáng của thầy, bạn, nên cũng là một phần tham, si.

Hại: Đối với các hữu tình, tâm không thương xót, tổn não làm tánh, làm chướng ngại bất hại, bức não làm nghiệp. Nghĩa là có hại là bức não người, nên thuộc về một phần giận.

Nói kiêu: Đối với việc thịnh vượng của mình rất chấp mắc, say sưa, ngạo nghễ làm tánh, làm chướng ngại không kiêu hãnh; Tiêm nhiễm, nường tựa làm nghiệp. Vì kẻ say sưa kiêu hãnh, thường sinh trưởng tất cả pháp tạp nhiễm, đây là phần tham, gọi là người không kiêu hãnh, tức không có tham.

Tùy hoặc hai mươi, thì mười pháp phần, v.v... và ba pháp thất niệm, bất chánh tri, và buông lung, là phần vị khác nhau của nhà căn bản, bảy pháp còn lại là tánh đẳng lưu.

Nói bất định có bốn: Bài Tụng chép:

*“Bất định là hối, miên
Tâm, từ hai đều hai”.*

Bất định này không đồng với năm vị tâm sở ở trước, định khắp tám thức, ba tánh, thời gian, nơi chốn, vì bốn pháp này đều bất định.

Du-già lại dùng bốn tất cả để nói về năm khác nhau: “Biến hành có bốn, biệt cảnh chỉ có một, hai. Tất cả thiện chỉ có một, nghĩa là tất cả địa nhiễm, bốn đều không có, bất định chỉ một, gọi là tất cả tánh.

Nói hối: Thuộc về tương hàng, Hối, nghĩa là cái ố tác. Ố tác là nhân, hối là thể của ố tác kia, vì thể tức nhân, nên luận rằng: Hối, nghĩa là ố tác, là nghĩa của nhân quả, nghĩa là ghét nghiệp đã gây ra, theo đuổi ăn năn làm tánh, chướng ngại làm nghiệp. Vì xa-ma-tha làm dừng trụ tâm, nên gọi là Chỉ.

Miên: Khiến cho thân không tự tại, tâm rất mờ tối, khinh lược làm tánh, chướng ngại cho quán làm nghiệp. Nghĩa là tỳ-bát-xá-na gồm thân cảnh từ tâm, gọi là Quán, nhận lấy thể tức tuệ. Miên này có công năng làm cho thân, tâm người kia bằng với người không có tâm, miên làm sao có thể khiến cho? Từ tâm có miên, thật ra không có tâm, không gọi là thù miên. Vì miên là tâm sở có công năng khiến cho có dụng. Miên kia đã không có thể, há có khiến dụng nên không gọi miên.

Tâm là tìm cầu, khiến tâm vội vàng, đối với ý nói cảnh thô chuyển làm tánh.

Từ: Nghĩa là từ sát, khiến tâm vội vàng, ở ý, nói cảnh tế chuyển biến làm tánh, nghiệp dụng của hai pháp đều lấy đối tượng nương tựa của phần vị thân, tâm yên, không yên làm nghiệp.

Nói ý, nói cảnh: Cảnh là đối tượng nhận lấy của ý, phần nhiều vì y cứ vào danh ngôn nên gọi là cảnh ý ngôn. Hai pháp này đều dùng một phần tư tuệ làm thể. Nếu khiến cho tâm an tức là phần tư, khiến tâm không yên tức là phần tuệ. Vì tư, nghĩa là chậm rãi mà sâu kín, tuệ vội mà thô.

Nếu như vậy, khiến cho yên ổn dùng tư không có tuệ, không yên ổn thì dùng tuệ không có tư, sao lại đều dùng?

Đại sư Thông Chiếu giải thích: Có gồm chánh. Nếu chánh dùng tư, thì tuệ vội sẽ thuận theo tư, có thể khiến cho tâm yên. Nếu chánh dùng tuệ, thì tư chậm rãi thuận theo tuệ, cũng chẳng có không yên. Đây là nói không trái đều dùng. Nghĩa tương ứng này có năm nghĩa là: thời, y, hành, duyên, sự. Tâm vương, tâm sở đồng thời khởi, đồng cảm sở y, kiến phần, hành tướng đều đồng, đồng một đối tượng được duyên, đồng một sự thể, nên được tương ứng.

Thiện ác đến giờ phân phối riêng.

Đây là nói: Khi thức thứ sáu gặp cảnh thiện, được tương ứng với tâm sở thiện, lúc gặp phải cảnh bất thiện, vô ký, thì sẽ tương ứng với tâm sở bất thiện, vô ký, nên nói: Phân phối riêng.

Y cứ vào lý nói tình, suy nghĩ có thể đều.

Tánh giới thọ ba thường chuyển dịch.

Đây là nói thức thứ sáu đối với ba tánh, ba cõi và năm thọ, thường luôn chuyển biến, đổi thay, xê dịch, vì hành tướng dễ thoát, chỉ thọ có năm thứ. Luận nói chẳng phải một. Nghĩa là hai thức thứ bảy, thứ tám chỉ là xả thọ, năm chuyển thức trước là hai thọ khổ, vui. Về ý thức thứ sáu, hai sư nói khác nhau: “Nếu địa ý có khổ, thì sư nói: Thức thứ sáu chung cho cả năm thọ, nếu địa ý không có khổ thì sư nói: Thức thứ sáu

chỉ có ba thọ: lo, mừng, xả.

Nếu y cứ ở cực khổ, cực lạc thì sẽ tiếp xúc với nỗi khổ, vui kia, há có người với tâm không xâm lấn. Nếu thú vui của ba thiên, nỗi khổ không có xen hở, thì có thể quên đi cảnh thuận nghịch kia. Vì ép ngặt, đẹp lòng ở thân, gọi là khổ, lạc thọ, bức xúc, đẹp lòng gọi là ưu, hỷ thọ. Không ép ngặt, không hài lòng gọi là xả thọ.

Nói theo lý, về địa ý có sự khổ là cùng tận nghĩa kia.

Căn, tùy, tín, đều nói liền nhau.

Đẳng: các biến hành, biệt cảnh và bất định còn lại. Nghĩa là thức này và các pháp nhiệm, tịnh cũng liên tục nhau. Tánh, giới thọ v.v... tùy thuộc sự chuyển dịch của thức.

Động thân phát riêng là trên hết.

Đây là nói thức thứ sáu, khi hữu tình dao động thân, phát ra ngữ, thì vì hành tướng của nó rất trội hơn trong tám thức, nên luận Thành Nghiệp chép: “Do ngoài phát thân, ngữ biểu, tâm sở tư bên trong. Ví như vực sâu, cá vỗ sóng, mà tự biểu lộ. Thức này đều cùng với tư có ba thứ, nghĩa là: Tư xem xét lo nghĩ, tư quyết định và tư phát động vượt hơn. Vì thức khác không có nên rất vượt hơn.

Dẫn, mãn hay lôi kéo nghiệp lực.

Đây là nói riêng thức thứ sáu có công năng tạo tác hai nghiệp dẫn, mãn. Nghiệp này có công năng chiêu cảm hai quả chung, riêng. Do nghiệp vượt hơn lực, vì công năng dẫn dắt, nên gọi là dẫn nghiệp, vì góp tròn quả, nên gọi là Mãn nghiệp. Như họa sĩ, thầy trò tạo ra mẫu, tô điểm năm màu, về nghĩa có thể biết, nên luận chép: “Một nghiệp dẫn một quả, nhiều nghiệp có thể viên mãn. Nghiệp chiêu cảm quả có bốn thứ, là: một nghiệp dẫn một quả, một nghiệp dẫn nhiều quả, nhiều nghiệp dẫn một quả, nhiều nghiệp dẫn nhiều quả”.

Thức thứ sáu này có khả năng tạo nghiệp, chiêu cảm quả. Năm thức trước, một phần thiện ác cũng có thể tạo, hai thức thứ bảy, thứ tám đều không thể tạo nghiệp, vì là tánh vô ký.

Nếu nói về tám thức chiêu cảm nghiệp thành quả thì chỉ có thức thứ tám, một phần sáu thức trước. Nếu chẳng phải nghiệp chiêu cảm, thì chỉ là thức thứ bảy, sáu thức trước cũng một phần, vì tánh thiện, bất thiện.

Nói báo chung: Là chủ của một báo của cõi thiện ác, gọi báo riêng là sống lâu, chết yếu, sang hèn, tốt đẹp, xấu xí, v.v...

Phát khởi Sơ tâm địa hoan hỷ.

Thức thứ sáu này ở Sơ địa, chuyển sơ tâm thành vô lậu, vì hai

chương phân biệt không có.

Hỏi: Ba đời đoạn cái gì? Nếu đoạn dứt hoặc thì trí sẽ không cùng có, vì quá khứ đã diệt, vị lai chưa sinh, thì đoạn cái gì?

Đáp: Chỉ y cứ vào trí khởi, là hoặc trừ, khiến cho thể của hoặc vị lai không nối nhau sinh, gọi là đoạn.

Câu sinh cũng tự hiện triển miên.

Triển tự hiện hành, miên gọi hạt giống, nghĩa là thức này ở Sơ địa, sơ tâm, cũng còn có phiền não câu sinh, chủng, hiện của sở tri chưa thuần túy vô lậu. Lại, chẳng phải vì thường tồn tại song không quán nên sau địa Viễn hành mới thuần túy vô lậu. Viễn Hành là địa thứ bảy.

Thức này ở Thất địa trở xuống, xen lẫn hữu lậu, vô lậu mà sinh, vì chưa thường ở môn quán, nên đến sau địa này, mới thuần túy vô lậu, vì hai chương câu sinh không bao giờ hiện hành, thường ở môn quán, nên sinh không là hằng, pháp không vẫn còn gián cách. Lại nói: Năm địa trước chung cho mười địa, quán hữu tướng nhiều, quán vô tướng ít. Quán tướng Hữu của địa thứ sáu ít, quán tướng Không nhiều, đến địa thứ bảy, quán vô tướng thuần túy.

Quán sát tròn sáng chiếu Đại thiên.

Nghĩa là thức thứ sáu này, ở sơ Hoan hỷ, sơ tâm dù không có hai chương phân biệt chuyển thành vô lậu, nhưng chương câu sinh vẫn còn, phải trải qua Ly cấu, Phát quang, Diệm Tuệ, Nan thắng, Hiện tiền, đến Viễn Hành này, thì chương câu sinh mới được hàng phục hẳn, không khởi. Tịnh thức Vô lậu mà thường sinh khởi, tâm sở tương ứng cũng chuyển thành trí diệu quan sát mà thường tròn sáng, soi rọi khắp cõi Đại thiên, chẳng phải nói một cõi mà công đức trí tuệ trùm khắp.

BÁT THỨC QUY CỬ BỔ CHỨ QUYỂN
THƯỢNG
(HẾT)